

Bản án số: 63/2017/HSST.

Ngày: 07/11/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mười - Cán bộ hưu trí.

2/ Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Cán bộ hưu trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Cao Duyệt Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với:

*** Các bị cáo:**

1/ Nguyễn Quốc T - Sinh năm: 1992.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

+ Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trình độ học vấn: 9/12.

+ Nghề nghiệp: Không.

+ Con ông Nguyễn Quốc D, con bà Nguyễn Thị Bé B.

+ Có vợ là Lê Thị C, có một người con sinh năm 2017.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Có hai tiền sự:

● Ngày 25/5/2016, bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 25/QĐ-XPHC (chưa nộp phạt).

● Ngày 04/11/2016, bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn là 03 (ba) tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Về nhân thân:

● Ngày 07/8/2013 bị Công an xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi

ngàn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 18/QĐ-XPVPHC (đã nộp phạt vào ngày 07/8/2013).

- Ngày 28/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 18 (mười tám) tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 11/QĐ-TA.

- + Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Minh K - Sinh ngày 02/5/1998.

- + Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

- + Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- + Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- + Trình độ học vấn: 7/12.

- + Nghề nghiệp: Không.

- + Con ông Nguyễn Minh T, con bà Võ Thị M.

- + Bị cáo chưa có vợ.

- + Tiền án: Không.

- + Tiền sự: Có một tiền sự: Ngày 21/10/2016, bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 22/QĐ-XPHC (đã nộp phạt vào ngày 24/10/2016).

- + Về nhân thân:

- Ngày 13/8/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 (sáu) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự phúc thẩm số: 118/2015/HSPT (chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2016).

- Ngày 11/4/2017 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 28/QĐ-XPHC (đã nộp phạt vào ngày 28/6/2017).

- + Bị bắt tạm giữ ngày 03/6/2017, đến ngày 06/6/2017 chuyển sang biện pháp tạm giam cho đến nay.

- + Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- * *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:* Ông Đặng Ngọc P - Luật sư Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

- * *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị Mộng T - Sinh năm: 1975; trú tại: Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- * *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- 1/ Chị Trần Thị Hồng P - Sinh năm: 1998; trú tại: Ấp X, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Minh K - Sinh năm: 1979; trú tại: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1/ Anh Trần Công K - Sinh năm: 1994; trú tại: Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ Ông Trần Văn N - Sinh năm: 1952; Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3/ Ông Lê Quang Y - Sinh năm: 1955; trú tại: Ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1965; trú tại: Ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 21/01/2017, Nguyễn Quốc T rủ Nguyễn Minh K đi tìm tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì K đồng ý. K điều khiển chiếc xe mô tô mang biển số U, màu tím, kiểu dáng Dream chở T đến vườn của bà Nguyễn Thị Mộng T ở ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, K để xe mô tô ngoài vườn rồi cả hai đi bộ vào vườn hái trộm bưởi. Hái được ba bao bưởi thì bị anh Trần Công K (con bà T) phát hiện, nên cả hai bỏ lại ba bao bưởi tại hiện trường, lên xe bỏ chạy. Anh Trần Công K trình báo cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành thu giữ ba bao bưởi gồm:

+ Một bao bên trong có 16 trái bưởi da xanh, tổng trọng lượng là 20,7kg.

+ Một bao bên trong có 18 trái bưởi da xanh, tổng trọng lượng là 26,2kg.

+ Một bao bên trong có 20 trái bưởi da xanh, tổng trọng lượng là 26,7kg.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 74/KL-HĐĐG ngày 13/02/2017, Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre đã kết luận:

+ 42 (bốn mươi hai) trái bưởi da xanh loại 1 (trọng lượng mỗi trái từ 1,2kg trở lên), có tổng trọng lượng là 60,8kg có giá trị là 2.310.000đồng.

+ 12 (mười hai) trái bưởi da xanh loại 2 (trọng lượng mỗi trái dưới 1,2kg), có tổng trọng lượng là 12,8kg có giá trị là 576.000đ (năm trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

+ Tổng giá trị tài sản là 2.886.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 58/KSĐT-KT ngày 18 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Minh K về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng. Những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Minh K phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Minh K mỗi bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ một chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát U, kiểu dáng Dream, màu tím, số máy L, số khung M, để xác minh, làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mộng T, chị Trần Thị Hồng P không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T đồng ý với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đề nghị áp dụng đối với bị cáo T như khoản 1 Điều 138, các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; và cho rằng bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự như: Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải nuôi con còn nhỏ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Hồng P, anh Nguyễn Minh K, các người làm chứng là ông Trần Văn N, ông Lê Quang Y, ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng là phù hợp với quy định tại các điều 191, 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định được: Vào khoảng 09 giờ ngày 21/01/2017, bị cáo Nguyễn Minh K điều khiển xe mô tô mang biển số U chở bị cáo Nguyễn Quốc T đến vườn và hái trộm của bà Nguyễn Thị Mộng T 42 (bốn mươi hai) trái bưởi da xanh loại 1 (trọng lượng mỗi trái từ 1,2kg trở lên), có tổng trọng lượng 60,8kg và 12 (mười hai) trái bưởi da xanh loại 2 (trọng lượng mỗi trái dưới 1,2kg), có tổng trọng lượng là 12,8kg; tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bà T là 2.886.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

[3] Hành vi của các bị cáo được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại và đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện.

[4] Bị cáo Nguyễn Quốc T là người rủ bị cáo Nguyễn Minh K đi tìm tài sản để lấy trộm, nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công một cách cụ thể mà mỗi bị cáo đều tham gia thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành nên hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[5] Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Từ đó cho thấy việc truy tố các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Quốc T, bị cáo Nguyễn Minh K đã phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy rằng:

[6.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn - Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p, g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) được áp dụng cho cả hai bị cáo. Ngoài ra, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6.2] Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T: Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (ngày 21/01/2017) bị đưa ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm này thì bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng - Đây là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) được áp dụng cho riêng bị cáo T. Đồng thời sau khi sự việc được trình báo với cơ quan chức năng thì ngày 05/7/2017 bị cáo Nguyễn Quốc T đã ra đầu thú tại cơ quan Công an tỉnh Bến Tre nên áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, trong lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét đến việc bị cáo có một người con còn nhỏ (sinh ngày 23/10/2017).

[6.3] Đối với bị cáo Nguyễn Minh K: Ngày 13/8/2015, bị cáo Nguyễn Minh K bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 (sáu) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); ngày 20/01/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đến ngày 21/01/2017 lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên. Xét, hành vi phạm tội của bị cáo bị xử lý tại bản án số: 118/2015/HSPT ngày 13/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre là tội phạm ít nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã trên mười sáu tuổi nhưng chưa đủ mười tám tuổi. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bị cáo chưa được xoá án tích đối với hành vi phạm tội bị kết án tại bản án số: 118/2015/HSPT ngày 13/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm và đó chính là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người từ đủ mười sáu tuổi đến dưới mười tám tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý thì được coi là không có án tích. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, hướng dẫn tại Nghị quyết số: 41/2007/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối chiếu với trường hợp của bị cáo thì quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là quy định có lợi cho bị cáo nên được áp dụng để xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo. Với việc áp dụng quy định này thì bị cáo không còn án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo là không thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này (tái phạm). Mặc dù bị cáo K đã được xoá án tích cho lần phạm tội trước đó nhưng lần phạm tội này không phải là lần đầu tiên bị cáo phạm tội nên bị cáo K không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra trong việc lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm có xem xét đến việc bị cáo K có ông ngoại (ông Nguyễn Văn P) là liệt sĩ và được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì.

[6.4] Về nhân thân:

Bị cáo Nguyễn Quốc T bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) vào ngày 25/5/2016, ngày 04/11/2016, bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cùng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; trước đó, vào năm 2013 bị Công an xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản vào ngày 21/01/2017 thì sau đó vào ngày 20/02/2017 lại tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 28/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo Nguyễn Minh K bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 21/10/2016; sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Mộng T vào ngày 21/01/2017 thì lại sử dụng trái phép chất ma túy nên bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) vào ngày 11/4/2017; trước đó, vào ngày 13/8/2015 bị cáo K bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 (sáu) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Từ những tình tiết trên cho thấy các bị cáo có nhân thân không tốt, chưa có ý thức tự rèn luyện, cải sửa bản thân nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo, giáo dục được các bị cáo cũng như răn đe được các đối tượng có hành vi tương tự.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trao trả 42 (bốn mươi hai) trái bưởi da xanh loại 1 (*trọng lượng mỗi trái từ 1,2kg trở lên*) có tổng trọng lượng 60,8kg và 12 (mười hai) trái bưởi da xanh loại 2 (*trọng lượng mỗi trái dưới 1,2kg*) có tổng trọng lượng là 12,8kg cho bà Nguyễn Thị Mộng T là phù với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[7.2] Đối với một chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số U, kiểu dáng Dream, màu tím, số máy L, số khung M; theo kết luận giám định số: 117/2017/SK-SM ngày 17/7/2017 của Phòng H Công an tỉnh Bến Tre kết luận số khung không bị thay đổi, số máy (như nêu trên) đã bị thay đổi, không tìm được số nguyên thủy. Quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe này nên cần giao cho Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Mộng T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Minh K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Minh K phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các điều 20, 53, và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các điều 20, 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2017 (ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển sang biện pháp tạm giam).

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1) Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T 42 (bốn mươi hai) trái bưởi da xanh loại 1 (*trọng lượng mỗi trái từ 1,2kg trở lên*) có tổng trọng lượng 60,8kg và 12 (mười hai) trái bưởi da xanh loại 2 (*trọng lượng mỗi trái dưới 1,2kg*) có tổng trọng lượng là 12,8kg.

2.2) Giao cho cơ quan Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tạm giữ, tiếp tục xác minh, tìm chủ sở hữu để xử lý theo quy định của pháp luật đối với một chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số U, kiểu dáng Dream, màu tím, số máy L, số khung M. Chiếc xe mô tô này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Mộng T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

4/ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng các điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Minh K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng các điều 231, 232, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Hồng P, anh Nguyễn Minh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (02 bản);
- Người bị hại (01 bản);
- Người có QLNVLQ đến vụ án (02 bản);
- VKSND huyện Châu Thành (02 bản);
- Công an huyện Châu Thành (01 bản-P.HSNV);
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Châu Thành (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Sở T tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S (12 bản), Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên